



ANH ĐỨC TRUNG

CƠ CẤU LẠI TÀI CHÍNH HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG: KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

THS. NGUYỄN THỊ DIỄM HIỂN

Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 đã khiến hệ thống ngân hàng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phải nhìn nhận lại hoạt động của mình. Những yếu kém của hệ thống ngân hàng dần thể hiện rõ trong giai đoạn hậu khủng hoảng như vốn tự có thấp dẫn đến khả năng chống đỡ rủi ro kém, chất lượng tài sản kém do tỷ lệ nợ xấu cao, tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động cao... Nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015" theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 với mục tiêu "cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng". Theo đề án, trong giai đoạn 2011 - 2015, các tổ chức tín dụng cần tập trung vào một số vấn đề then chốt, trong đó vấn đề được quan tâm hàng đầu là lành mạnh hóa tình trạng tài chính. Hơn 3 năm thực hiện đề án, tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng đã có nhiều thay đổi, nhiều chỉ tiêu đã có sự cải thiện đáng kể cho thấy, đề án đã phát huy hiệu quả.

1. Nội dung cơ cấu lại tài chính theo đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015 (Đề án 254)

Hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam bao gồm các ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước và NHTM nhà nước chiếm cổ phần chi phối (sau đây gọi chung là NHTM nhà nước), NHTM cổ phần, NH liên doanh, nước ngoài, các công ty tài chính, cho thuê tài chính và các TCTD khác. Nhằm phát triển hệ thống các TCTD đa năng theo hướng hoạt động an toàn, hiệu quả, có khả năng cạnh tranh cao, Chính phủ đã thể hiện quan điểm cần phải cơ cấu lại toàn diện về tài chính của các TCTD theo các biện pháp và lộ trình phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng TCTD, cụ thể:

Đối với NHTM cổ phần nhà nước:

Tăng nhanh quy mô và năng lực tài chính thông qua tăng vốn để đảm bảo đủ mức vốn tự có theo tiêu chuẩn an toàn vốn Basel II; tiến hành mua lại, sáp nhập tổ

chức tín dụng; mở rộng nguồn vốn huy động.

Đối với NHTM cổ phần, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính của Việt Nam: cần phải triển khai một số hoặc tất cả các biện pháp nhằm lành mạnh hóa tài chính, bao gồm xử lý nợ xấu; tăng quy mô và chất lượng vốn tự có của TCTD, bảo đảm mức vốn tự có không thấp hơn mức theo quy định của pháp luật và đáp ứng đầy đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Đối với các Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô: cần phát triển đủ mạnh về năng lực tài chính; xử lý nợ xấu; thu hút nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng thêm nguồn lực hoạt động.

Đối với các TCTD nước ngoài: nâng cao trách nhiệm của TCTD mẹ ở nước ngoài trong việc bảo đảm an toàn hoạt động của đơn vị trực thuộc tại Việt Nam; TCTD mẹ ở nước ngoài bảo đảm khả năng chi trả và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính của các đơn vị trực thuộc tại Việt Nam.

Qua Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015”, Chính phủ đã thể hiện rõ quan điểm trong cơ cấu lại tài chính của các TCTD là cơ cấu lại toàn diện, triệt để tất cả các loại hình TCTD trong nền kinh tế nhằm mục đích lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính cho các TCTD để có thể sớm có những TCTD có quy mô và trình độ tương đương với các TCTD trong khu vực.

2. Kết quả cơ cấu lại tài chính của hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015

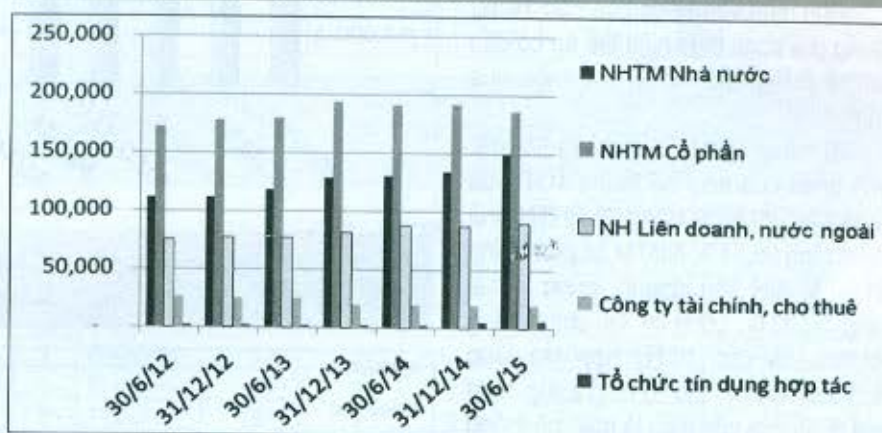
2.1. Vốn điều lệ

Nguồn lực tài chính thấp là điểm yếu của hệ thống các TCTD Việt Nam. Khi quy mô vốn nhỏ, TCTD sẽ không thể có nguồn bù đắp các rủi ro, không mở rộng được hoạt động cũng như đảm bảo an

toàn cho hoạt động của các TCTD. Đề án 254 nhấn mạnh việc các TCTD cần tăng vốn để tăng khả năng chống đỡ rủi ro. Tình hình vốn điều lệ của các TCTD sau khi Đề án 254 được ban hành thể hiện qua hình 1 dưới đây:

Hình 1: Vốn điều lệ của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: tỷ đồng)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam



Tại thời điểm 30/6/2012, tổng vốn điều lệ của toàn hệ thống là 384.861 tỷ đồng, đến 30/6/2015 đã là 448.645 tỷ đồng, tăng 16,57%. Tỷ lệ tăng vốn điều lệ mạnh nhất trong hệ thống các TCTD là các TCTD hợp tác (170,77%) và sau đó là các NHTM nhà nước (34,22%). Trong giai đoạn này, việc hợp nhất, sáp nhập một số TCTD khiến số lượng các TCTD giảm đi, vì vậy nếu xét ở tiêu chí vốn điều lệ thì các TCTD đã nỗ lực để tăng nguồn lực này. Tuy nhiên, để có thể gia tăng nguồn lực tài chính thì cần phải tăng cả nguồn lực trong nước lẫn ngoài nước. Ngày 03/01/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2014/NĐ-CP “về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam” có hiệu lực từ ngày 20/02/2014, trong đó có nêu rõ tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cá nhân và tổ chức cũng như những người liên quan nước ngoài đối với các TCTD Việt Nam, điểm đáng lưu ý là Nghị định nêu rõ “Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện

cơ cấu lại TCTD yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của

các nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định”. Đây sẽ là cơ sở để các TCTD tăng cường vốn điều lệ từ nguồn vốn ngoại bên cạnh nguồn vốn nội hiện đang khó khăn.

2.2. Vốn tự có

Bên cạnh việc tăng vốn điều lệ, các TCTD cũng được yêu cầu tăng vốn tự có để đảm bảo an toàn theo lộ trình áp dụng Basel II. Theo Basel II, các thành phần của vốn bao gồm vốn lõi (vốn cấp 1), vốn bổ sung (vốn cấp 2), nợ thứ cấp ngắn hạn bù đắp cho rủi ro thị trường (vốn cấp 3) và phải tính đến các khoản giảm trừ. Như vậy, ngoài vốn lõi bao gồm vốn cổ phần và quỹ dự trữ công khai từ lợi nhuận để lại, những thành phần khác của vốn sẽ được đưa vào vốn cấp 2 (tối đa bằng 100% vốn cấp 1) và vốn cấp 3 tùy theo quyền tự quyết của các cơ quan quốc gia. Tại Việt Nam, ngày 20/11/2014, NHNN đã ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an

toàn trong hoạt động của TCTD, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 01/02/2015 đã tạo ra chuẩn mực mới trong việc giám sát an toàn hoạt động của các TCTD, từng bước thực hiện Basel II cho thấy quyết tâm của NHNN trong việc thực hiện cơ cấu lại hệ thống các TCTD như Đề án 254 đã đưa ra.

Tình hình vốn tự có của các TCTD trong giai đoạn thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD thể hiện qua hình 2.

Từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2015, vốn tự có của toàn hệ thống TCTD đã tăng thêm 29,65%, trong đó NHTM nhà nước tăng 38,64%, NHTM cổ phần tăng 21,93%, NH liên doanh, nước ngoài tăng 30,23%, công ty tài chính tăng 43,26% và các TCTD hợp tác tăng 40,80%. Nhìn lại tốc độ tăng trong cùng giai đoạn của vốn điều lệ toàn hệ thống là 16,57% thì việc tăng vốn tự có 29,65% cho thấy các TCTD đã có sự chú trọng hơn về sự an toàn trong hoạt động để gia tăng nguồn vốn cấp 2 và vốn cấp 3, bổ sung cho vốn điều lệ vẫn đang còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực.

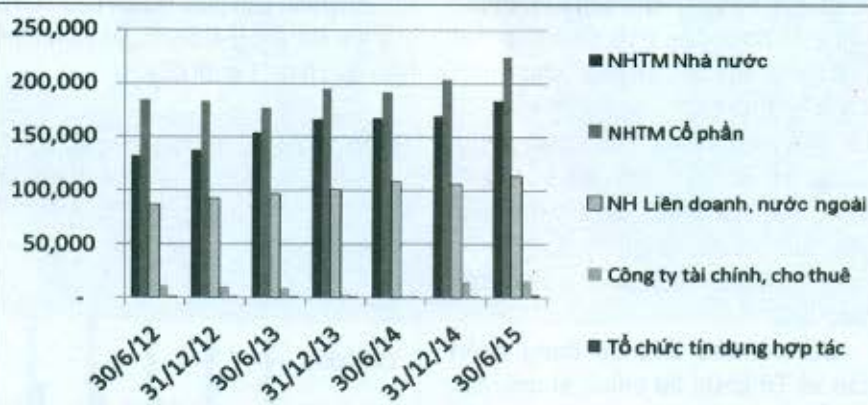
2.3. Tổng tài sản

Quy mô tổng tài sản của các TCTD tăng nhanh chóng sau khi Đề án 254 được phê duyệt. Từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2015, tổng tài sản của toàn hệ thống đã tăng từ 4.905.915 tỷ đồng lên 6.613.907 tỷ đồng, tương ứng 34,81%. Khối các TCTD hợp tác có tốc độ tăng trưởng tài sản lớn nhất (623,86%, tương ứng 82.144 tỷ đồng), sau đó là NHTM nhà nước (53,74%, tương ứng 1.063.640 tỷ đồng). (hình 3)

Về tỷ trọng tổng tài sản trong toàn hệ thống, các NHTM nhà nước đã thể hiện vai trò trụ cột khi tổng tài sản tăng từ 40% vào tháng 6/2012 đã lên đến 46% vào tháng 6/2015. Các NHTM cổ phần mặc dù vẫn có sự tăng trưởng về tổng tài sản nhưng có sự giảm đi về tỷ

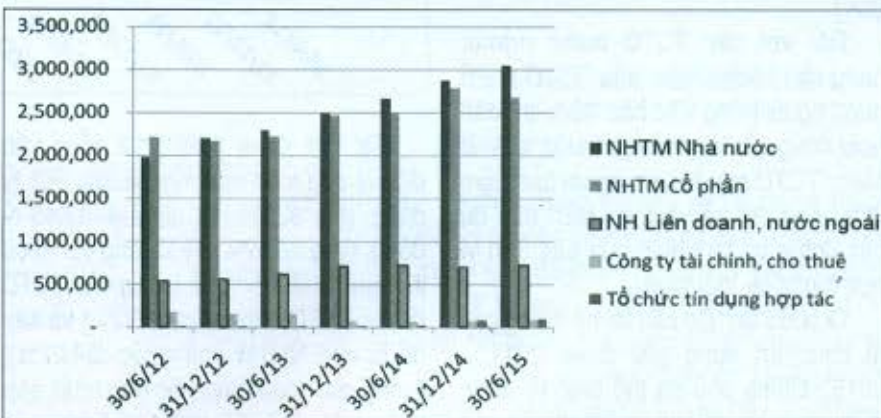
Hình 2: Vốn tự có của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: tỷ đồng)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam



Hình 3: Tổng Tài sản của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: tỷ đồng)

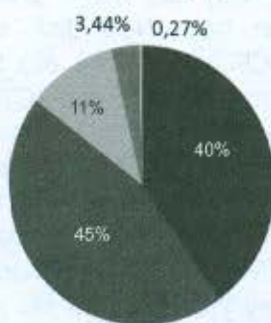
Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam



Hình 4: Tỷ trọng tổng tài sản trong toàn hệ thống của các TCTD

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Thời điểm 30/6/2012



Thời điểm 30/6/2015



trọng trong toàn hệ thống. Lý do chính là trong giai đoạn cơ cấu lại hệ thống các TCTD, ngay từ năm 2012, NHNN đã phân loại các NHTM yếu kém cần phải xử lý thì chỉ có 1 NHTM nhà nước là NH Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long, còn lại 8 ngân hàng khác đều là NHTM cổ phần. Việc các NHTM cổ phần bị xử lý bằng cách hợp nhất, sáp nhập và một số NHTM cổ phần khác phải tự củng cố, chấn chỉnh hoạt động đã khiến các NHTM cổ phần trở nên thận trọng hơn trong việc mở rộng quy mô tổng tài sản. (hình 4)

Để đảm bảo an toàn trong hoạt động, Thông tư 36/2014/TT-NHNN đã quy định các tỷ lệ an toàn mà các TCTD phải đảm bảo, theo đó, các TCTD muốn tăng tổng tài sản thì cũng cần phải gia tăng vốn tự có tương ứng. Tỷ lệ vốn tự có trên tổng tài sản của hệ thống TCTD giai đoạn 2012 – 2015 được tóm tắt qua bảng 1.

Theo cam kết của các nhà lãnh đạo các quốc gia ASEAN, đến năm 2020 sẽ mở cửa toàn bộ thị trường, dỡ bỏ mọi rào cản bảo hộ cho ngân hàng trong nước. Mặc dù có sự cải thiện về tỷ lệ vốn tự có/tổng tài sản trong 2 năm gần đây nhưng so với các quốc gia khác trong khu vực, tỷ lệ này của Việt Nam vẫn rất thấp, thể hiện qua bảng 2.

Từ năm 2008 đến năm 2014, tỷ lệ Vốn / Tổng tài sản của hệ thống ngân hàng các quốc gia liên tục gia tăng, trong khi đó Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ này thấp nhất từ năm 2012 đến nay so với các quốc gia trong khu vực. Như vậy, khi hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN, TCTD Việt Nam không có lợi thế về quy mô vốn so với các TCTD trong khu vực để đảm bảo chống đỡ rủi ro, đặc biệt là rủi ro thị trường. Vì thế, việc gia tăng nguồn lực tài chính từ vốn tự có và kiểm soát chất lượng tài sản của các TCTD là vấn đề mà NHNN cần phải tiếp tục chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới để tăng năng lực cạnh

Bảng 1: Tỷ lệ Vốn tự có / Tổng Tài sản của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: %)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Loại hình TCTD	30/6/12	31/12/12	30/6/13	31/12/13	30/6/14	31/12/14	30/6/15
NHTM Nhà nước	6,69	6,23	6,68	6,65	6,29	5,90	6,03
NHTM Cổ phần	8,32	8,48	7,96	7,92	7,69	7,31	8,38
NH Liên doanh, nước ngoài	16,29	16,66	15,73	14,22	15,06	15,10	15,66
Công ty tài chính, cho thuê	6,77	6,95	6,46	4,08	3,53	22,15	21,45
Tổ chức tín dụng hợp tác	16,51	15,56	13,93	13,48	13,52	2,88	3,21
Toàn hệ thống	8,50	8,38	8,28	8,11	7,92	7,62	8,17

Bảng 2: Tỷ lệ Vốn tự có / Tổng Tài sản của các TCTD một số quốc gia ASEAN (Đvt: %)

Nguồn: World Bank và Ngân hàng nhà nước Việt Nam

STT	Quốc gia	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Brunei	n/a	9,71	10,25	8,90	9,10	11,58	11,26
2	Indonesia	9,10	10,11	10,66	10,99	12,24	12,47	12,76
3	Malaysia	8,10	9,00	9,38	8,89	9,39	9,59	9,95
4	Philippines	8,90	9,53	10,23	11,09	11,70	9,70	9,95
5	Singapore	7,20	9,17	8,97	8,32	8,92	8,22	8,41
6	Thailand	10,10	8,41	8,53	7,84	7,80	8,52	9,54
7	Việt Nam	8,97	8,60	8,87	9,30	8,38	8,11	7,62

Bảng 3: Tỷ lệ Nợ xấu của các TCTD một số quốc gia ASEAN (Đvt: %)

Nguồn: World Bank và Ngân hàng nhà nước Việt Nam

STT	Quốc gia	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Brunei	n/a	9,36	6,87	6,03	5,38	4,53	3,67
2	Indonesia	3,19	3,29	2,53	2,14	1,77	1,69	2,07
3	Malaysia	4,81	3,63	3,35	2,68	2,02	1,85	1,65
4	Philippines	4,65	3,49	3,38	2,56	2,22	2,44	2,02
5	Singapore	1,43	2,03	1,41	1,06	1,04	0,87	0,76
6	Thailand	5,70	5,22	3,89	2,93	2,43	2,30	2,51
7	Việt Nam	2,15	1,80	2,09	2,79	3,44	3,79	3,25

tranh cho các TCTD Việt Nam.

2.4. Nợ xấu

Một trong những điểm quan trọng của Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD là gắn liền với việc thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu nhằm duy trì sự an toàn trong hoạt động và lành mạnh hóa tài chính của các TCTD. Cùng với những giải pháp được đưa ra trong Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD ban hành năm 2012, NHNN cũng ban hành Đề án xử lý nợ xấu của các TCTD và Đề án thành lập Công ty Quản lý tài sản

của các TCTD (VAMC). VAMC được thành lập vào tháng 7/2013 đã tiến hành mua được 236.603 tỷ đồng và số dư nợ gốc mà VAMC quản lý là 243.335 tỷ đồng tính đến cuối năm 2015 là một điều rất đáng ghi nhận.

Bên cạnh đó, NHNN đã chỉ đạo các TCTD phải tiết giảm chi phí để tăng trích lập dự phòng nhằm có nguồn để xử lý nợ xấu, tăng cường chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu mới gia tăng... Những hoạt động giám sát chặt chẽ của NHNN liên quan đến các giải pháp



ANH ĐỨC TRUNG

Một trong những điểm quan trọng của Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD là gắn liền với việc thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu nhằm duy trì sự an toàn trong hoạt động và lành mạnh hóa tài chính của các TCTD

trong Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD đã được thực hiện nghiêm ngặt, góp phần đem lại kết quả nhất định trong việc giảm tỷ lệ nợ xấu tại các TCTD.

Năm 2012, tỷ lệ nợ xấu thấp nhất là 3,37% (tháng 01/2012) và cao nhất là 4,93% (tháng 9/2012) thì năm 2014 chỉ còn nằm trong khoảng 4,17% (tháng 6/2014) rồi 3,25% (tháng 12/2014) và đến tháng 10/2015 đã xuống mức 2,72%, đạt được mục tiêu đề ra trước hạn.

Mặc dù tỷ lệ nợ xấu đã về dưới 3% trong năm 2015, vẫn còn nhiều vấn đề khó khăn trước mắt cần phải được giải quyết như việc phải trích dự phòng rủi ro cao ảnh hưởng đến năng lực tài chính, nguồn tài trợ trực tiếp từ NHNN như tái cấp vốn ngày càng khó khăn, việc phát mại tài sản của các TCTD phụ thuộc vào khung pháp lý khiến không thể đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản... Vì vậy, cho dù nợ xấu có giảm nhưng nhiệm vụ phía trước vẫn còn rất nhiều.

2.5. Sử dụng vốn:

Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động

Theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN, các NHTM nhà nước phải duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa là 90%, ngân hàng hợp tác xã là 80%,

NHTM cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là 80% và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 90%, trong đó tiền gửi bao gồm tiền gửi của tổ chức (không bao gồm tiền gửi các loại của Kho bạc Nhà nước, nếu có), tiền gửi của cá nhân (trừ tiền ký quỹ, tiền gửi vốn chuyên dùng của khách hàng), tiền gửi của ngân hàng mẹ ở nước ngoài, chi nhánh ở nước ngoài của ngân hàng mẹ, tiền huy động từ phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu. Xét theo thị trường, tiền gửi bao gồm từ thị trường 1 và thị trường 2, trong đó thị trường 1 là tổ chức và cá nhân không phải là TCTD, thị trường 2 là TCTD. Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động từ thị trường 1 thống kê qua các năm như sau:

Đến thời điểm 31/12/2014, các NHTM nhà nước hiện vẫn có tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động tương đối cao, các NHTM cổ phần và các NH liên doanh, nước ngoài đều có xu hướng giảm và trong giới hạn quy định. Các công ty tài chính có tỷ lệ cấp tín dụng là cao nhất trong toàn hệ thống, tuy nhiên so với năm 2013 thì năm 2014 đã giảm đáng kể. Các TCTD hợp tác cũng có xu hướng kiểm soát việc cấp tín dụng và giảm dần vào cuối năm 2014.

Tỷ lệ vốn ngắn hạn so với cho vay trung, dài hạn

Cũng theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn theo tỷ lệ tối đa của NHTM là 60%, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 60%, TCTD phi ngân hàng là 200% và ngân hàng hợp tác xã là 60%.

Trong giai đoạn 2012 – 2015, tất cả các TCTD trong toàn hệ thống đều đảm bảo nội dung này, thậm chí tỷ lệ vốn ngắn hạn / cho vay trung dài hạn của các TCTD còn thấp hơn rất nhiều so với quy định an toàn trong hoạt động. (bảng 5).

Một tỷ lệ quá thấp chưa hẳn là điều đáng mừng vì ngoài vấn đề an toàn trong thu hồi nợ thì còn phải xem xét đến việc các TCTD có quá lo ngại rủi ro mà luôn xem xét tài sản bảo đảm khi cho vay chứ không coi tính khả thi của phương án, dự án cho vay là vấn đề quan trọng nhất.

Bảng 4: Tỷ lệ cấp tín dụng / nguồn vốn huy động (TT1) của các TCTD giai đoạn 2012 – 2014 (Đvt: %)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Loại hình TCTD	30/6/12	31/12/12	30/6/13	31/12/13	30/6/14	31/12/14
NHTM Nhà nước	102,51	96,77	95,45	94,62	90,99	94,61
NHTM Cổ phần	75,78	79,01	76,45	75,2	74,81	75,36
NH Liên doanh, nước ngoài	98,96	90,07	79,03	61,98	62,88	57,36
Công ty tài chính, cho thuê	129,04	126,28	164,33	340,69	237,86	220,76
Tổ chức tín dụng hợp tác	97,62	94,58	104,15	109,16	125,49	99,25
Toàn hệ thống	90,97	89,35	87,3	84,71	82,3	83,67

Đối với các dự án trung dài hạn, nguồn thu nợ chủ yếu thu được từ doanh thu của dự án, giá trị cấp tín dụng cao nên hầu như khách hàng sẽ không đủ tài sản bảo đảm nợ vay mà cần có sự đánh giá về hiệu quả từ dự án mang lại, trong khi các TCTD lại coi trọng tài sản bảo đảm nên khả năng cấp tín dụng cho các dự án trung dài hạn là không nhiều trong thời điểm hiện nay.

2.6. Kết quả tài chính

Lợi nhuận / Tổng tài sản (ROA)

ROA là một trong các chỉ số tài chính quan trọng phản ánh khả năng sinh lời của một doanh nghiệp, trong đó có các TCTD. Đặc điểm của các TCTD là việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao nên ROA thường thấp hơn các ngành kinh doanh khác. ROA của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 được tóm tắt qua bảng 6.

Các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính có sự cải thiện đáng kể về tỷ lệ sinh lời, từ lợi nhuận âm năm 2012 và năm 2013 đã chuyển sang dương ở năm 2014 và có tỷ lệ ROA bình quân cao hơn các TCTD khác. Các NHTM cổ phần có tỷ lệ ROA bình quân thấp nhất trong toàn hệ thống, điều này liên quan đến việc NHNN cũng xác định các TCTD yếu kém cần kiểm soát chặt chẽ và phải xử lý cũng tập trung chủ yếu vào các NHTM cổ phần. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn vào các NHTM thì NHTM cổ phần năm 2014 có ROA tăng so với năm 2013, trong khi các NHTM nhà nước và các NH liên doanh, nước ngoài lại có ROA giảm cho thấy những biện pháp của NHNN trong việc thực hiện Đề án 254 cũng đã có những tác động tích cực.

Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)

Tương tự ROA, một chỉ tiêu nữa thể hiện khả năng sinh lời của các TCTD là ROE, cho biết khả năng tạo ra lợi nhuận từ vốn chủ sở hữu. Cả khối NHTM nhà nước, NH liên doanh, nước ngoài cũng có ROE năm 2014 giảm so với năm 2013, trong khi khối NHTM cổ

Bảng 5: Tỷ lệ vốn ngắn hạn / cho vay trung dài hạn của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: %)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Loại hình TCTD	30/6/12	31/12/12	30/6/13	31/12/13	30/6/14	31/12/14	30/6/15
NHTM Nhà nước	22,43	21,45	20,89	23,06	23,33	25,02	28,47
NHTM Cổ phần	10,55	17,60	16,76	19,05	20,86	21,35	32,36
NH Liên doanh, nước ngoài	(1,08)	(2,03)	(2,76)	(11,50)	(5,07)	(4,45)	-
Công ty tài chính, cho thuê	18,41	17,59	20,56	(2,96)	5,83	4,90	67,31
Tổ chức tín dụng hợp tác	(4,18)	(1,01)	1,61	7,66	20,22	11,51	43,3
Toàn hệ thống	14,47	17,16	16,34	17,4	18,26	20,15	26,56

Bảng 6: ROA của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: %)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Loại hình TCTD	30/6/12	31/12/12	30/6/13	31/12/13	30/6/14	31/12/14	30/6/15
NHTM Nhà nước	0,45	0,79	0,29	0,67	0,20	0,53	0,18
NHTM Cổ phần	0,27	0,49	0,18	0,31	0,11	0,40	0,12
NH Liên doanh, nước ngoài	0,71	0,92	0,31	0,75	0,22	0,61	0,16
Công ty tài chính, cho thuê	(0,01)	(0,76)	(0,19)	(2,07)	0,43	2,33	1,08
Tổ chức tín dụng hợp tác	1,68	1,53	0,92	0,62	0,59	0,93	0,70
Toàn hệ thống	0,39	0,62	0,23	0,49	0,17	0,51	0,17

Bảng 7: ROE của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: %)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Loại hình TCTD	30/6/12	31/12/12	30/6/13	31/12/13	30/6/14	31/12/14	30/6/15
NHTM Nhà nước	5,35	10,34	4,23	7,93	2,50	6,92	2,48
NHTM Cổ phần	3,00	5,10	1,95	3,60	1,22	4,64	1,49
NH Liên doanh, nước ngoài	3,96	4,50	1,9	4,64	1,42	3,79	0,97
Công ty tài chính, cho thuê	(0,12)	(13,88)	(4,22)	(22,21)	-	8,25	3,85
Tổ chức tín dụng hợp tác	8,41	8,00	5,65	3,95	3,90	10,67	5,20
Toàn hệ thống	3,96	6,31	2,52	5,18	1,83	5,49	1,84

phần có ROE tăng cho thấy sự chấn chỉnh hoạt động của các NHTM cổ phần bắt đầu có tác động tốt. Các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính năm 2014 bắt đầu có ROE dương và cao hơn khối NHTM. ROE của toàn hệ thống 6 tháng đầu năm 2015 cũng tương đương 6 tháng đầu năm 2014 và hoạt động của hệ thống TCTD cũng tương đối ổn định nên chúng ta có

quyền hy vọng rằng kết thúc giai đoạn 1 của Đề án 254 vào năm 2015, các vấn đề cơ bản của Đề án liên quan đến khả năng sinh lời của TCTD được đảm bảo (bảng 7).

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)

CAR phản ánh mức đủ vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở giá trị vốn tự có và mức độ rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh

ngân hàng nước ngoài (Thông tư 36/2014/TT-NHNN). Theo đó, các TCTD phải đảm bảo cả CAR hợp nhất và riêng lẻ ở mức 9%. Trong giai đoạn 2012 – 2015, CAR của các TCTD như sau:

Bảng 8: CAR của các TCTD giai đoạn 2012 – 2015 (Đvt: %)

Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Loại hình TCTD	30/6/12	31/12/12	30/6/13	31/12/13	30/6/14	31/12/14	30/6/15
NHTM Nhà nước	10,84	10,28	11,1	10,91	10,44	9,4	9,38
NHTM Cổ phần	14,28	14,01	12,8	12,56	11,77	12,07	13,1
NH Liên doanh, nước ngoài	31,12	27,63	29,72	26,53	31,12	30,78	34,37
Công ty tài chính, cho thuê	8,65	9,25	8,41	4,63	3,35	29,33	26,83
Tổ chức tín dụng hợp tác	40,83	38,83	36	32,84	33,75	29,91	30,97
Toàn hệ thống	14,19	13,75	13,65	13,25	12,94	12,75	13,28

Đến thời điểm tháng 6/2015, toàn hệ thống TCTD Việt Nam đã đảm bảo CAR theo quy định, thậm chí rất cao ở khối NH liên doanh, nước ngoài, công ty tài chính, cho thuê và TCTD hợp tác. Tuy nhiên, các kết quả đạt được hiện được tính theo quy định của Việt Nam, vẫn còn rơi rụng nhiều so với quy định của Basel II về cả việc xác định vốn tự có và cả tài sản có rủi ro. Danh mục tài sản lớn nhất của các TCTD Việt Nam là khoản mục tín dụng cũng chưa được phân loại theo Basel II để tính mức an toàn vốn tối

thiểu. Trong thời gian đến giai đoạn 2 của Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD sẽ cần quyết liệt hơn trong việc đưa ra các cơ sở tính toán để đảm bảo tính minh bạch của tình hình tài chính, quản

trị rủi ro và tiệm cận với chuẩn mực chung của thế giới.

3. Kết luận

Nguồn lực tài chính là yếu tố hết sức quan trọng trong việc thực hiện cơ cấu lại các TCTD. Mặc dù tình hình tài chính của các TCTD đã được cải thiện, các tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ an toàn và hiệu quả hoạt động tài chính có xu hướng cải thiện nhưng vẫn còn một số vấn đề cần phải xem xét:

Thứ nhất, so với các nước trong khu vực, vốn tự có của các TCTD Việt Nam

còn thấp. Để tăng nguồn vốn này, cần phải có cơ chế kêu gọi không chỉ nguồn lực từ phía Chính phủ mà còn phải từ khu vực tư nhân và các nhà đầu tư nước ngoài. Có nguồn vốn lớn thì các TCTD mới có khả năng mở rộng danh mục tài sản, tạo thêm lợi nhuận cho TCTD.

Thứ hai, cần hoàn thiện các quy định pháp lý để xử lý nợ xấu dứt điểm. Khó khăn, vướng mắc lớn nhất trong xử lý nợ xấu hiện nay là do các quy định pháp luật. Để tạo thuận lợi cho quy trình xử lý, cần sớm có quy định cho phép thị trường mua bán nợ sớm đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, cần xây dựng một luật riêng quy định hoạt động của VAMC, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu cũng như hiệu quả của việc xử lý nợ xấu.

Thứ ba, cần kiểm soát tín dụng một cách chặt chẽ, minh bạch hơn nữa tình hình tài chính của các TCTD. NHNN đang từng bước áp dụng Basel II vào việc quản trị rủi ro cho các TCTD, vì vậy, các tiêu chuẩn tính toán cần phải dần sử dụng theo quy định chung của Basel II, từ đó có thể nhận thấy được những vấn đề còn yếu kém của hệ thống TCTD Việt Nam trong so sánh với các quốc gia khác, chuẩn bị tốt hơn cho quá trình hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2014), Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 "về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam"
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 "quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"
3. Thủ tướng Chính Phủ (2012), Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015"
4. Thủ tướng Chính Phủ (2012), Quyết định số 254/QĐ-TTg phê duyệt đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015"
5. Tomoyuki Kimura (2015), Tài cấu trúc ngân hàng mới chỉ qua được bước đầu, Toàn cảnh Ngân hàng Việt Nam, p18-20, Đặc san Báo Đầu tư Chứng khoán – Bảo Đầu tư.
6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,
7. Ngân hàng Thế giới.



Nguồn lực tài chính là yếu tố hết sức quan trọng trong việc thực hiện cơ cấu lại các TCTD

ANH ĐỨC TRƯỜNG